

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2019/HS-ST
Ngày: 29-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Hà Quang Văn.

- Ông Lưu Danh Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Đạt- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988 (Tên gọi khác: Không). Nơi ở và ĐKNKTT: thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh cầm đồ; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 và con bà Lương Thị T, sinh năm 1960; có chồng là Đinh Hoàng T, sinh năm 1987 (Đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014). Tiền án: Không.

Tiền sự: Tại Quyết định số 5520/QĐ-XPVPHC ngày 17/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N xử phạt Nguyễn Thị T 10.000.000 đồng về hành vi “Cho vay, có cầm cố tài sản vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay”, đến ngày 27/12/2018 Nguyễn Thị T đã nộp xong số tiền 10.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Quốc H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Liên P, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Phố D, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

- Anh Bùi Văn S, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Bà Bùi Thị L, sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Bà Đinh Thị X, sinh năm 1969
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Anh Đoàn Thanh B, sinh năm 1986
Địa chỉ: Phố P, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Anh Vũ T K, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Phố P, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Anh Nguyễn Hồng H, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình
- Chị Dương Thị Gi, sinh năm 1987
Địa chỉ: Đội 7, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Anh Phan N Lương, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn 4, xã Phú S, huyện N tỉnh Ninh Bình
- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1969.
Địa chỉ: Xóm B, xã N , huyện Y, tỉnh Hòa Bình.
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn P 2, xã Đ, huyện N tỉnh Ninh Bình.
- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Xóm 2, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Anh Quách Văn S, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Xóm C, xã N , huyện Y, tỉnh Hòa Bình.
- Anh Bùi Văn B, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Anh Phạm Công Đ, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.
- Anh Nguyễn T T, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Phố P, Thị trấn N, huyện N tỉnh Ninh Bình
- Chị Lê Phương L, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Chị Bùi Thị P, sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N tỉnh Ninh Bình
- Chị Nguyễn P Th, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Phố N, Thị trấn N huyện N, tỉnh Ninh Bình
- Anh Đinh Hoàng T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

- **Người làm chứng:** Bà Hà Thị V, sinh năm 1966; Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1990; Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1985; Anh Bùi Trọng C, sinh năm 1981; Chị Đinh Thị T, sinh năm 1981; Chị Bùi Hoàng A, sinh năm 1991; Anh Phạm Ngũ Ph, sinh năm 1980; Anh Bùi T, sinh năm 1988; Anh Trần Thành C, sinh năm 1988; Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1974; Anh Trần Văn T, sinh năm 1988; Bà Trần Thị H, sinh năm 1964; Anh Dương Văn H, sinh năm 1988; Anh Bùi Văn Tr, sinh năm 1980; Anh Đinh Văn Q, sinh năm 1982; Chị Đinh Thị T, sinh năm 1976.

Tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cho vay, cầm đồ “T T”, có trụ sở tại gia đình của T ở thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh năm 2012. Mặc dù Nguyễn Thị T đang có 01 tiền sự về hành vi cho vay tiền có cầm cố tài sản, nhưng lãi suất vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay nhưng vẫn tiếp tục lợi dụng hoạt động kinh doanh dịch vụ cho vay cầm đồ để cho vay lãi nặng.

Hồi 15 giờ 45 phút ngày 28/05/2019, Tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Ninh Bình phối hợp với Công an huyện N đã tiến hành kiểm tra hành chính Cơ sở kinh doanh dịch vụ cho vay, cầm đồ “Tuấn T” ở thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Thu giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, 01 sổ quản lý kinh doanh, 01 sổ hợp đồng cầm đồ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen gắn sim số 0966.866.481 của Nguyễn Thị T. Ngoài ra Tổ công tác còn thu giữ 15 chiếc xe mô tô (gồm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 35N1-154.64; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 35N1-094.40; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sufat BKS 35N1-185.33; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 35N1-003.12; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 28F1-131.56; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 35N1-289.93; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 28L1-122.76; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS 35N1-233.57; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 35B1-880.34; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 35N1-349.48; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS F3-3115; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 35N1-215.22; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 35N1-109.83; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S BKS 35B1-522.18; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 35N1-280.41) và 13 giấy đăng ký xe mô tô.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình thu giữ 01 quyển sổ bìa màu đỏ, 01 quyển sổ bìa màu đen bên trong đều có ghi các nội dung vay mượn tiền và cầm cố tài sản, 03 hợp đồng cầm đồ, 05 tờ giấy kẻ ngang có ghi nội dung vay mượn tiền.

Quá trình điều tra đã chứng minh: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/10/2018 đến ngày 09/05/2019, Nguyễn Thị T đã cho 19 cá nhân vay tiền và

cầm cố tài sản vay tiền 34 lần với lãi suất từ 101,4%/01 năm đến 182,5%/01 năm, vượt gấp từ 5,07 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/01 năm). Việc cho vay lãi nặng của Nguyễn Thị T được thực hiện cụ thể như sau:

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Phạm Quốc H sinh năm 1984 ở thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 02/12/2018 anh Huy đã đến vay của T số tiền 8.000.000 đồng với lãi suất 3.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Anh H không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 01/03/2019, anh Huy đến trả tiền cho T, tiền lãi anh H pH trả cho T trong 90 ngày vay là 2.160.000 đồng, anh H đã trả cho T 2.000.000 đồng, tiền lãi còn lại là 160.000 đồng T cho anh Huy. Anh H nợ lại tiền vay gốc và thỏa thuận với T không tính lãi suất sau ngày 01/03/2019 nữa, T đồng ý. Ngày 02/04/2019, anh H đã trả hết cho T tiền gốc là 8.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Phạm Quốc H vay số tiền 8.000.000 đồng với lãi suất thực tế là 2.778 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 101,4%/01 năm, gấp 5,07 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 2.000.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 394.521 đồng, thu lợi bất chính là 1.605.479 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Quốc V sinh năm 1992 ở phố D, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình:*

- *Hợp đồng 1:* Ngày 02/11/2018, anh V đến vay T số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng với lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh V không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018 anh V đã đến trả hết tiền gốc vay T, do thời gian anh V vay tiền ngắn hơn thỏa thuận nên T đã thỏa thuận với anh V tăng lãi suất lên 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh V đồng ý và trả tiền lãi trong 29 ngày vay là 2.900.000 đồng.

- *Hợp đồng 2:* Ngày 02/02/2019, anh Vt đến vay T số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh V không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Ngày 02/03/2019, anh V đến trả hết tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi trong 30 ngày vay là 1.800.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Nguyễn Quốc V vay tổng số tiền là 40.000.000 đồng (trong đó có 01 lần T tính lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 109,5%/01 năm và 01 lần T tính lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 182,5%/01 năm, gấp từ 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Nguyễn Thị T đã thu lợi 4.700.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 646.575 đồng, thu lợi bất chính là 4.053.425 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Bùi Văn S sinh năm 1987 ở thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

- *Hợp đồng 1:* Ngày 11/11/2018, anh S đến vay Nguyễn Thị T 15.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh S không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Ngày 30/11/2018, anh S đến trả

cho T 15.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 20 ngày vay là 1.200.000 đồng.

- *Hợp đồng 2:* Cùng ngày 11/11/2018, anh S tiếp tục đến vay Nguyễn Thị T 15.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tuy nhiên ngày 12/11/2018 anh S đến trả lại 5.000.000 đồng tiền gốc của lần vay này nên T tính lãi suất của lần vay này từ ngày 12/11/2018. Ngày 30/11/2018, anh S đến trả hết tiền gốc là 10.000.000 đồng và trả tiền lãi trong 19 ngày vay là 760.000 đồng cho T.

- *Hợp đồng 3:* Ngày 16/11/2018, anh S đến vay T 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh S không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, anh S đến trả hết tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi trong 15 ngày vay là 600.000 đồng cho T.

- *Hợp đồng 4:* Ngày 11/01/2019, anh S đến vay T 15.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh S không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Cùng ngày anh S đã trả lại cho T 5.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 11/04/2019, anh S trả hết 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 91 ngày vay là 3.640.000 đồng cho T.

- *Hợp đồng 5:* Ngày 16/01/2019, anh S đến vay T 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh S không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 11/04/2019, anh S trả hết 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 87 ngày vay là 3.480.000 đồng cho T.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Bùi Văn S vay tổng số tiền là 55.000.000 đồng đều với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 146%/01 năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 9.680.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 1.326.027 đồng, thu lợi bất chính 8.353.973 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với bà Bùi Thị L sinh năm 1969 ở thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

- *Hợp đồng 1:* Ngày 25/10/2018, bà L vay của T 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Bà L không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, bà L đến trả hết 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 37 ngày vay là 1.850.000 đồng.

- *Hợp đồng 2:* Ngày 13/11/2018, bà L vay của T 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Bà L không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, bà L đến trả hết 10.000.000 đồng tiền gốc, còn tiền lãi suất trong 18 ngày vay là 900.000 đồng bà L nợ lại T.

- *Hợp đồng 3:* Ngày 01/12/2018, bà L vay của T 5.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bà L không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Ngày 01/03/2019, bà L đã thỏa thuận với T không tính lãi suất của lần vay này sau ngày 01/03/2019, T nhất trí và tính tiền lãi suất của lần vay này trong 90 ngày vay là 2.250.000 đồng. Đến ngày 02/03/2019, bà L đến trả cho T 5.000.000 đồng tiền gốc còn tiền lãi suất trong 90 ngày vay là 2.250.000 đồng bà L nợ lại T.

- *Hợp đồng 4:* Ngày 24/01/2019, bà L vay của T 10.000.000 đồng với lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Bà L không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 23/02/2019, bà L đến trả cho T 10.000.000 đồng tiền gốc, T thỏa thuận với bà L tính lại lãi suất lần vay nay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, bà L nhất trí đã trả tiền lãi suất cho T trong 30 ngày vay là 1.500.000 đồng.

Ngày 24/02/2019, bà L đến vay T 10.000.000 đồng, T không tính lãi suất đối với lần vay này. Sau khi vay tiền bà L trả cho T 3.000.000 đồng là tiền lãi suất của các lần vay ngày 13/11/2018 và 01/12/2018, số tiền lãi còn lại là 150.000 đồng T cho bà L.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho bà Bùi Thị L vay tổng số tiền là 35.000.000 đồng đều với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 6.350.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 712.329 đồng, thu lợi bất chính 5.637.671 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với bà Đinh Thị X sinh năm 1969 ở thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

- *Hợp đồng 1:* Ngày 26/10/2018, bà Xá vay của T 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bà Xá không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, bà Xá đến trả hết 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 35 ngày vay là 1.750.000 đồng.

- *Hợp đồng 2:* Ngày 25/12/2018, bà Xá vay của T 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bà Xá không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Ngày 23/02/2019, bà Xá đến trả tiền lãi trong 60 ngày vay là 3.000.000 đồng cho T và nợ lại tiền gốc 10.000.000 đồng. Đến nay bà Xá đã trả hết số tiền nợ gốc cho Nguyễn Thị T.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho bà Đinh Thị X vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng đều với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 4.750.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 520.548 đồng, thu lợi bất chính 4.229.254 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Vũ Trung Ksinh năm 1983 ở Phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 15/10/2018, anh Vũ T K vay của T 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh K không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 14/11/2018, anh K đến trả tiền lãi cho T trong 30 ngày vay là 2.700.000 đồng và nợ lại tiền gốc 30.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Vũ T K vay 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 109,5%/01 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 2.700.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 493.151 đồng, thu lợi bất chính 2.206.849 đồng. Đến nay anh K đã trả hết tiền gốc cho Nguyễn Thị T.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Đoàn Thanh Bsinh năm 1987 ở Phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 27/10/2018, anh Đoàn Thanh B đến vay của T 50.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh B không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, anh B đến trả hết 50.000.000 đồng tiền gốc và trả tiền lãi trong 35 ngày vay là 5.250.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Đoàn Thanh B vay 50.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 109,5%/01 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 5.250.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 958.904 đồng, thu lợi bất chính 4.291.096 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Hồng H sinh năm 1980 ở thôn Liên P, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 20/11/2018, anh H đến vay của T 50.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh H không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, anh H đã trả hết cho T tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi của 11 ngày vay là 1.650.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Nguyễn Hồng H vay 50.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/01 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 1.650.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 301.370 đồng, thu lợi bất chính 1.348.630 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Phan N Lương sinh năm 1987 ở thôn 4, xã Phú S, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 26/10/2018, anh Lương đến vay của T 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh Lương không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, anh Lương đã trả hết cho T 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 36 ngày vay là 3.240.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Phan N Lương vay 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/01 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 3.240.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 591.781 đồng, thu lợi bất chính 2.648.219 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Nguyễn T T sinh năm 1988 ở Phố P, thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 11/11/2018, anh Nguyễn T T đến vay của T 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Anh T không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, anh T đến trả hết cho T 15.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất trong 20 ngày vay là 900.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Nguyễn T T vay 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 109,5%/01 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 900.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 164.384 đồng, thu lợi bất chính 735.616 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với chị Vũ Thị N sinh năm 1995 ở xóm Bờ Sông, xã N Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình:*

- *Hợp đồng 1:* Ngày 14/10/2018, chị N đến cầm cố giấy tờ xe ô tô cho Nguyễn Thị T để vay 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 21/11/2018, chị N đã trả hết cho T 15.000.000 đồng tiền gốc và lấy lại giấy tờ xe. Số tiền lãi trong 38 ngày vay là 1.710.000 đồng chị N nợ lại T.

- *Hợp đồng 2:* Ngày 15/10/2018, chị N đến cầm cố giấy tờ xe ô tô cho Nguyễn Thị T để vay 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 30/11/2018, chị N đã trả hết cho T 5.000.000 đồng tiền gốc và lấy lại giấy tờ xe. Số tiền lãi trong 47 ngày vay là 940.000 đồng chị N nợ lại T.

- *Hợp đồng 3:* Ngày 15/12/2018, chị N đến cầm cố giấy tờ xe ô tô cho Nguyễn Thị T để vay 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 13/02/2019, chị N đến trả hết cho T 5.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi trong 60 ngày vay là 1.200.000 đồng, T cho chị N 150.000 đồng, còn lại 1.050.000 đồng chị N nợ lại T. Một thời gian sau, chị N và T thỏa thuận thống nhất chuyển tổng số tiền lãi mà chị N còn nợ của 03 lần vay ngày 14/10/2018, 15/10/2018 và 15/12/2018 là 3.700.000 đồng thành tiền gốc đồng thời T cho chị N vay thêm 1.300.000 đồng, coi như chị N vay T 5.000.000 đồng không tính lãi suất. Do có sự thỏa thuận trên nên số tiền lãi của 03 lần vay 14/10/2018, 15/10/2018 và 15/12/2018 là tiền T đã thu lợi.

- *Hợp đồng 4:* Ngày 03/02/2019, chị N đến cầm cố giấy tờ xe ô tô cho Nguyễn Thị T để vay 15.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 05/03/2019, chị N đã trả hết cho T 15.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trong 30 ngày vay là 1.800.000 đồng và lấy lại giấy tờ xe.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho chị Vũ Thị N vay tổng số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 01 lần T tính lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 109,5%/01 năm, 01 lần lãi suất thực tế là 3.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 127,75%/01 năm và 02 lần T tính lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 146%/01 năm, gấp từ 5,475 lần đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Nguyễn Thị T đã thu lợi 5.500.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 852.055 đồng, thu lợi bất chính là 4.647.945 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Phạm Văn T sinh năm 1988 ở thôn Lạng Uyển, xã Đ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 04/11/2018, anh T đã mang xe mô tô của mình đến để cầm cố cho T để vay 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày mà không PH viết giấy tờ vay nợ gì. Đến ngày 30/11/2018, anh T đến trả hết cho T 10.000.000 đồng tiền gốc đồng thời trả tiền lãi trong 27 ngày vay là 810.000 đồng và lấy xe mô tô về.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Phạm Văn T cầm cố tài sản vay 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 109,5%/01 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 810.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng

với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 147.945 đồng, thu lợi bất chính là 662.055 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với chị Bùi Thị T sinh năm 1982 ở thôn Phong Lai 2, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 10/11/2018, chị T đến vay của T 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày mà không pH thế chấp tài sản hoặc viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, chị T đến trả hết cho T 15.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 21 ngày vay là 945.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho chị Bùi Thị T vay 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 109,5%/01 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 945.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 147.945 đồng, thu lợi bất chính 772.397 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Phạm Văn Tsinh năm 1992 ở xóm 2, xã L, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình:*

- *Hợp đồng 1:* Ngày 12/12/2018, anh T đến vay của T 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh T không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 29/01/2019, anh T đến trả hết cho T 5.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 49 ngày vay là 980.000 đồng.

- *Hợp đồng 2:* Ngày 21/12/2018, anh T đến vay của T 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh T không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 29/01/2019, anh T đến trả hết cho T 5.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 40 ngày vay là 800.000 đồng.

- *Hợp đồng 3:* Ngày 03/02/2019, anh T đến vay của T 5.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Anh T không pH cầm cố, thế chấp tài sản hay viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 24/03/2019, anh T đến trả hết cho T 5.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 50 ngày vay là 1.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Phạm Văn T vay tổng số tiền là 15.000.000 đồng, đều với mức lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 146%/01 năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 2.780.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 380.822 đồng, thu lợi bất chính 2.399.178 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Quách Văn S sinh năm 1986 ở xóm Công Nhân, xã N Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình:*

Ngày 20/11/2018, anh S mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35N1-036.03 của mình đến cầm cố và vay của T số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày mà không pH làm hợp đồng cầm đồ hoặc viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 30/11/2018, anh S đến trả hết cho T 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 11 ngày vay là 660.000 đồng và lấy xe mô tô của anh S về.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Quách Văn S cầm cố tài sản để vay 20.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/01 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 660.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng

với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 120.548 đồng, thu lợi bất chính 539.452 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Bùi Văn B sinh năm 1985 ở thôn Liêu Thượng, xã Đ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 19/02/2019 anh Ba đến vay của T 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/01 năm mà không pH thế chấp tài sản hoặc viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 21/03/2019, anh Ba đến khất nợ tiền gốc và trả tiền lãi cho T trong 30 ngày vay là 1.350.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Bùi Văn B vay 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 109.5%/01 năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 1.350.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 246.575 đồng, thu lợi bất chính 1.103.425 đồng. Đến nay anh Ba đã trả hết cho T 15.000.000 đồng tiền gốc.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn Đsinh năm 1982 ở Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 05/04/2019, anh Đ mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Biển kiểm soát 35N1-289.93 của mình đến cầm cố và vay của T 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Nguyễn Thị T viết hợp đồng cầm đồ cho anh Đ. Đến ngày 08/04/2019, anh Đ đến trả hết cho T 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 03 ngày vay là 90.000 đồng và lấy xe mô tô về.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Đ cầm cố tài sản để vay 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/01năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 90.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 16.438 đồng, thu lợi bất chính 73.562 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Phạm Công Đ sinh năm 1991 ở phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

- *Hợp đồng 1:* Ngày 01/10/2018, anh Đ đến cầm cố xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS biển kiểm soát 35A-087.51 của mình cho Nguyễn Thị T để vay 50.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến ngày 08/10/2018, anh Đ đã trả hết cho T 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong 08 ngày vay là 1.200.000 đồng, đồng thời lấy xe ô tô về.

- *Hợp đồng 2:* Khoảng đầu tháng 12/2018, anh Đ đến cầm cố xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS biển kiểm soát 35A-087.51 của mình cho Nguyễn Thị T để vay 60.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến chiều cùng ngày anh Đ đã trả hết cho T 60.000.000 đồng tiền gốc và 180.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Phạm Công Đ cầm cố tài sản để vay tổng số tiền là 110.000.000 đồng đều với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/01năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 1.380.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 252.055 đồng, thu lợi bất chính 1.127.945 đồng.

** Giao dịch giữa Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn T sinh năm 1979 ở thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình:*

Ngày 02/11/2018 anh T đến vay của T 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày mà không pH thể chấp tài sản hoặc viết giấy tờ vay nợ. Đến ngày 02/01/2019, anh T đến trả cho T tiền lãi trong 61 ngày vay là 5.400.000 đồng, nợ lại tiền gốc 30.000.000 đồng. Hiện nay anh T đã trả hết cho T 30.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, Nguyễn Thị T đã cho anh Nguyễn Văn T vay 30.000.000 đồng với lãi suất thực tế 2.951 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương đương 107,7%/01 năm, gấp 5,385 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu lợi 5.400.000 đồng, trong đó khoản tiền tương ứng với lãi suất hợp pháp 20%/ 01 năm là 1.002.740 đồng, thu lợi bất chính 4.397.260 đồng.

Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị T đã cho 19 cá nhân vay tổng số tiền là **598.000.000 đồng** với lãi suất vượt gấp từ 5,07 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền **50.833.431 đồng**.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 20.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện giao nộp 01 hợp đồng cầm cố xe mô tô với Nguyễn Thị T.

Về các tài sản đã thu giữ:

Đối với 01 sổ quản lý kinh doanh, 01 sổ hợp đồng cầm đồ, 01 quyển sổ bìa màu đỏ, 01 quyển sổ bìa màu đen bên trong đều có ghi các nội dung vay mượn tiền và cầm cố tài sản, 03 hợp đồng cầm đồ, 05 tờ giấy kẻ ngang có ghi nội dung vay mượn tiền thu giữ của Nguyễn Thị T, 01 hợp đồng cầm cố xe mô tô thu của anh Nguyễn Văn Đ được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen gắn sim số 0966.866.481 và số tiền 20.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị T. Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã ra Quyết định chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện N để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên; Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại bản cáo trạng số 96/CT-VKSNQ-HS ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng quy định tại Khoản 1, khoản 3 Điều 201; Các điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã Đ, huyện N giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khấu trừ 5% đến 7% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị T, mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và các tài sản đã thu giữ:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 khoản 2 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen gắn sim số 0966.866.481 là công cụ, P tiện sử dụng vào việc phạm tội.

+ Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền **598.000.000 đồng** (số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị T đã cho vay và được người vay trả lại) là P tiện phạm tội. Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền **9.301.569 đồng** là tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội của bị cáo. Như vậy bị cáo phải nộp **607.301.569 đồng**. (Đổi trừ với số tiền 20.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo, bị cáo còn pH nộp **587.301.569 đồng**)

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội.

Về nghĩa vụ dân sự: Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải trả lại cho những người vay tổng số tiền **50.833.431 đồng** là số tiền lãi bị cáo đã thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

- Trả lại cho anh Phạm Quốc H sinh năm 1984 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 1.605.479 đồng.

- Trả lại cho anh Nguyễn Quốc V sinh năm 1992 ở phố Dương, xã N Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình số tiền 4.053.425 đồng

- Trả lại cho anh Bùi Văn S sinh năm 1987 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 8.353.973 đồng

- Trả lại cho bà Bùi Thị L sinh năm 1969 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 5.637.671 đồng

- Trả lại cho bà Đinh Thị X sinh năm 1969 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 4.229.254 đồng

- Trả lại cho anh Vũ T K sinh năm 1983 ở Phố P, thị trấn Nho Quan, huyện N số tiền 2.206.849 đồng

- Trả lại cho anh Đoàn Thanh B sinh năm 1987 ở Phố P, thị trấn Nho Quan, huyện N số tiền 4.291.096 đồng

- Trả lại cho anh Nguyễn Hồng H sinh năm 1980 ở thôn Liên P, xã Yên Nhân, huyện Yên Mô số tiền 1.348.630 đồng

- Trả lại cho anh Phan N Lương sinh năm 1987 ở thôn 4, xã Phú S, huyện N số tiền 2.648.219 đồng

- Trả lại cho anh Nguyễn T T sinh năm 1988 ở Phố P, thị trấn Nho Quan, huyện N số tiền 735.616 đồng

- Trả lại cho chị Vũ Thị N sinh năm 1995 ở xóm Bờ Sông, xã N Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình số tiền 4.647.945 đồng
- Trả lại cho anh Phạm Văn T sinh năm 1988 ở thôn Lạng Uyên, xã Đ, huyện Nsố tiền 662.055 đồng
- Trả lại cho chị Bùi Thị T sinh năm 1982 ở thôn Phong Lai 2, xã Đ, huyện Nsố tiền 772.397 đồng
- Trả lại cho anh Phạm Văn T sinh năm 1992 ở xóm 2, xã L, huyện Nsố tiền 2.399.178 đồng
- Trả lại cho anh Quách Văn S sinh năm 1986 ở xóm C, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình số tiền 539.452 đồng
- Trả lại cho anh Bùi Văn B sinh năm 1985 ở thôn L, xã Đ, huyện N số tiền 1.103.425 đồng
- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1982 ở Thôn P, xã T, huyện N số tiền 73.562 đồng
- Trả lại cho anh Phạm Công Đ sinh năm 1991 ở phố T, thị trấn N, huyện N số tiền 1.127.945 đồng
- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T sinh năm 1979 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 4.397.260 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nho Quan, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tang vật đã thu giữ. Mặt khác được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/10/2018 đến ngày 09/05/2019 Nguyễn Thị T đã cho 19 cá nhân vay tiền và cầm cố tài sản để vay tiền, gồm: Phạm Quốc H, Nguyễn Quốc V, Bùi Văn S, anh Vũ T K, Đoàn Thanh Bình, Nguyễn Hồng H, Phan N Lương, Nguyễn T T, Phạm Văn T, Phạm Văn T, Quách Văn S, Bùi Văn B, Nguyễn Văn Đ, Phạm Công Đ, Nguyễn Văn T; các bà Bùi Thị L, Đinh Thị X, các chị Vũ Thị N, chị Bùi Thị T với tổng số tiền cho vay là 598.000.000 đồng, mức lãi suất từ 101,4%/01 năm đến 182,5%/01 năm của khoản tiền vay, cao gấp từ 5,07 lần đến 9,125 lần mức lãi

suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị T đã thu tổng số tiền lãi là 60.135.000 đồng, trong đó đã thu lợi bất chính số tiền 50.833.431 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 9.301.569 đồng.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....
3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Nvăn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy:

Hành vi cho các cá nhân vay tiền với mức lãi suất từ 101,4%/01 năm đến 182,5%/01 năm của khoản tiền vay, cao gấp từ 5,07 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự của bị cáo là cố ý và gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ xâm phạm đến lợi ích của công dân. Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo còn là nguyên nhân gây mất trật tự an toàn xã hội, làm cho hoàn cảnh của nhiều gia đình điêu đứng, tiếp tay cho tệ nạn tín dụng đen phát triển, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận Tc rõ hành vi cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc như vậy mới có tác dụng nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm chung cũng như giúp bị cáo có thời gian cải tạo rèn luyện mình trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi mình đã thực hiện, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có. Từ những nhận định trên xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

Trong vụ án này, Nguyễn Thị T còn có hành vi cho một số cá nhân cầm cố tài sản để vay tiền và thỏa thuận tính lãi suất từ 500 đồng đến 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Tuy nhiên thực tế Nguyễn Thị T đã không thu lãi suất của những người vay nên Nguyễn Thị T không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trên. Công an huyện N đã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 28/10/2018 đến ngày 09/05/2019, Nguyễn Thị T còn cho nhiều cá nhân vay tiền mà không phải cầm cố tài sản với lãi suất từ 11,88%/01 năm đến 97,33%/01 năm, chưa vượt gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy Nguyễn Thị T không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trên.

Đối với anh Đinh Hoàng T sinh năm 1987 ở thôn P, xã Đ, huyện N (là chồng đã ly hôn của Nguyễn Thị T). Anh T biết việc T cho một số cá nhân vay tiền có tính lãi suất và bản thân anh T cũng một số lần đi lấy tiền của người vay cho Nguyễn Thị T, tuy nhiên anh T không biết việc T cho người khác vay tiền với lãi suất cao, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật hình sự. Vì vậy, anh T không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với bà Hà Thị V sinh năm 1966 ở thôn P, xã Đ, huyện N (là mẹ chồng của Nguyễn Thị T) đã cho T vay tiền không tính lãi suất để Nguyễn Thị T kinh doanh cho vay, cầm đồ. Tuy nhiên bà V không biết việc T cho người khác vay tiền với lãi suất cao, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật hình sự. Vì vậy bà V không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 sổ quản lý kinh doanh, 01 sổ hợp đồng cầm đồ, 01 quyển sổ bìa màu đỏ, 01 quyển sổ bìa màu đen bên trong đều có ghi các nội dung vay mượn tiền và cầm cố tài sản, 03 hợp đồng cầm đồ, 05 tờ giấy kê ngang có ghi nội dung vay mượn tiền thu giữ của Nguyễn Thị T, 01 hợp đồng cầm cố xe mô tô thu của anh Nguyễn Văn Được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 15 chiếc xe mô tô đã thu giữ gồm:

- + 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 35N1-154.64 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh Bùi Văn H sinh năm 1990 ở thôn Y, xã Y, huyện N. Anh H đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh H đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh H là phù hợp.

- + 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 35N1-094.40 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh Dương Văn H sinh năm 1988 ở phố T, thị trấn N, huyện N. Anh H đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh H đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh H là phù hợp.

- + 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sufat BKS 35N1-185.33 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh Đinh Văn Q sinh năm 1982 ở thôn H,

xã T, huyện N. Anh Q đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh Q đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh Q là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 35N1-003.12 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị H sinh năm 1964 ở phố H, thị trấn N, huyện N. Bà H đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên bà H đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho bà H là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 28F1-131.56 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của chị Đinh Thị T sinh năm 1976 ở xóm C, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Chị T đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên chị T đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho chị T là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 28L1-122.76 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh Trần Thành C sinh năm 1988 ở thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Anh Công đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh C đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh C là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 35B1-880.34 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh Bùi Hoàng A sinh năm 1991 ở phố Đ, thị trấn N, huyện N. Anh Hoàng A đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên Hoàng A đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất. Anh Hoàng A đã ủy quyền cho ông Bùi Đại H sinh năm 1955 (bố đẻ của anh Hoàng A) nhận lại chiếc xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho ông H là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 35N1-349.48 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh Bùi Văn T sinh năm 1980 ở thôn Y, xã Y, huyện N. Anh T đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh T đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh T là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS F3-3115 là tài sản hợp pháp của anh Bùi Trung H sinh năm 1988 ở thôn V, xã T, huyện N. Anh H đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh H đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh H là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 35N1-215.22 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Trọng T sinh năm 1985 ở thôn Yên S, xã Y, huyện N. Anh T đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh T đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh T là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 35N1-109.83 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản chung hợp pháp của chị Đinh Thị T sinh năm 1983 và chồng là anh Bùi Trọng C sinh năm 1981 ở thôn P, xã Đ, huyện N. Anh C đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh C đã trả hết tiền

gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho vợ chồng chị T, anh C là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S BKS 35B1-522.18 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản chung hợp pháp của chị Nguyễn Thị H sinh năm 1980 và chồng là anh Đỗ Hữu T sinh năm 1974 ở thôn N, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Anh T đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh T đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho vợ chồng chị H, anh T là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 35N1-280.41 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn T sinh năm 1989 ở thôn C, xã Đ, huyện N. Anh T đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của T, tuy nhiên anh T đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh T là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS 35N1-233.57 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị Thu H sinh năm 1990 ở thôn Liên P, xã T, huyện N gửi tại nhà T, không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho chị Hà là phù hợp.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 35N1-289.93 và 01 giấy đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn Đ. anh Đ đã cầm cố chiếc xe để vay tiền của Nguyễn Thị T, tuy nhiên anh Đ đã trả hết tiền gốc vay cho T mà không tính lãi suất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh Đ là phù hợp.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen gắn sim số 0966.866.481 là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội.

+ Đối với số tiền **598.000.000 đồng** (số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị T đã cho vay và được người vay trả lại) là phương tiện phạm tội cần truy thu nộp Ngân sách nhà nước

+ Đối với số tiền **9.301.569 đồng** là tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội của bị cáo cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Như vậy tổng số tiền bị cáo phải nộp **607.301.569 đồng**.

(Đổi trừ với số tiền 20.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo, bị cáo còn phải nộp **587.301.569 đồng**)

[5]. Về nghĩa vụ dân sự: Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự:

+ Đối với số tiền **50.833.431 đồng** là số tiền lãi bị cáo đã thu lợi bất chính (Vượt quá mức lãi pháp luật quy định) cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay, cụ thể như sau:

- Trả lại cho anh Phạm Quốc H sinh năm 1984 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 1.605.479 đồng.

- Trả lại cho anh Nguyễn Quốc V sinh năm 1992 ở phố Dương, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình số tiền 4.053.425 đồng
- Trả lại cho anh Bùi Văn S sinh năm 1987 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 8.353.973 đồng
- Trả lại cho bà Bùi Thị L sinh năm 1969 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 5.637.671 đồng
- Trả lại cho bà Đinh Thị X sinh năm 1969 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 4.229.254 đồng
- Trả lại cho anh Vũ T K sinh năm 1983 ở Phố P, thị trấn N, huyện N số tiền 2.206.849 đồng
- Trả lại cho anh Đoàn Thanh B sinh năm 1987 ở Phố P, thị trấn N, huyện N số tiền 4.291.096 đồng
- Trả lại cho anh Nguyễn Hồng H sinh năm 1980 ở thôn Liên P, xã Yên, huyện Y số tiền 1.348.630 đồng
- Trả lại cho anh Phan N Lương sinh năm 1987 ở thôn 4, xã Phú S, huyện N số tiền 2.648.219 đồng
- Trả lại cho anh Nguyễn T T sinh năm 1988 ở Phố P, thị trấn N, huyện N số tiền 735.616 đồng
- Trả lại cho chị Vũ Thị N sinh năm 1995 ở xóm Bờ Sông, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình số tiền 4.647.945 đồng
- Trả lại cho anh Phạm Văn T sinh năm 1988 ở thôn L, xã Đ, huyện N số tiền 662.055 đồng
- Trả lại cho chị Bùi Thị T sinh năm 1982 ở thôn P 2, xã Đ, huyện N số tiền 772.397 đồng
- Trả lại cho anh Phạm Văn T sinh năm 1992 ở xóm 2, xã L, huyện N số tiền 2.399.178 đồng
- Trả lại cho anh Quách Văn S sinh năm 1986 ở xóm C, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình số tiền 539.452 đồng
- Trả lại cho anh Bùi Văn B sinh năm 1985 ở thôn L, xã Đ, huyện N số tiền 1.103.425 đồng
- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1982 ở Thôn P, xã T, huyện N số tiền 73.562 đồng
- Trả lại cho anh Phạm Công Đ sinh năm 1991 ở phố T, thị trấn N huyện N số tiền 1.127.945 đồng
- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T sinh năm 1979 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 4.397.260 đồng.

[6]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 khoản 2 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen gắn sim số 0966.866.481.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự .

+ Truy thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền **598.000.000 đồng** (số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị T đã cho vay và được người vay trả lại) .

+ Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền **9.301.569 đồng** là tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức lãi suất 20%/năm.

Như vậy tổng số tiền bị cáo phải nộp **607.301.569 đồng**. (Đổi trừ với số tiền 20.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo, bị cáo còn phải nộp **587.301.569 đồng**)

3. Về nghĩa vụ dân sự: Áp dụng Điều 463, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự:

+ Đối với số tiền **50.833.431 đồng** là số tiền lãi bị cáo đã thu lợi bất chính (Vượt quá mức lãi pháp luật quy định) cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay, cụ thể như sau:

- Trả lại cho anh Phạm Quốc H sinh năm 1984 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 1.605.479 đồng.

- Trả lại cho anh Nguyễn Quốc V sinh năm 1992 ở phố D, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình số tiền 4.053.425 đồng

- Trả lại cho anh Bùi Văn S sinh năm 1987 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 8.353.973 đồng

- Trả lại cho bà Bùi Thị L sinh năm 1969 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 5.637.671 đồng

- Trả lại cho bà Đinh Thị X sinh năm 1969 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 4.229.254 đồng

- Trả lại cho anh Vũ Trung K sinh năm 1983 ở Phố P, thị trấn N, huyện N số tiền 2.206.849 đồng

- Trả lại cho anh Đoàn Thanh B sinh năm 1987 ở Phố P, thị trấn N, huyện N số tiền 4.291.096 đồng

- Trả lại cho anh Nguyễn Hồng H sinh năm 1980 ở thôn L, xã Y, huyện Y số tiền 1.348.630 đồng

- Trả lại cho anh Phan Ngọc L sinh năm 1987 ở thôn 4, xã Phú S, huyện N số tiền 2.648.219 đồng

- Trả lại cho anh Nguyễn Trung T sinh năm 1988 ở Phố P, thị trấn N, huyện N số tiền 735.616 đồng

- Trả lại cho chị Vũ Thị N sinh năm 1995 ở xóm B, xã N Lương, huyện Y, tỉnh Hòa Bình số tiền 4.647.945 đồng

- Trả lại cho anh Phạm Văn T sinh năm 1988 ở thôn L, xã Đ, huyện N số tiền 662.055 đồng

- Trả lại cho chị Bùi Thị T sinh năm 1982 ở thôn P 2, xã Đ, huyện N số tiền 772.397 đồng
- Trả lại cho anh Phạm Văn T sinh năm 1992 ở xóm 2, xã L, huyện N số tiền 2.399.178 đồng
- Trả lại cho anh Quách Văn S sinh năm 1986 ở xóm C, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình số tiền 539.452 đồng
- Trả lại cho anh Bùi Văn B sinh năm 1985 ở thôn L, xã Đ, huyện N số tiền 1.103.425 đồng
- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1982 ở Thôn P, xã T, huyện N số tiền 73.562 đồng
- Trả lại cho anh Phạm Công Đ sinh năm 1991 ở phố T, thị trấn N, huyện N số tiền 1.127.945 đồng
- Trả lại cho anh Nguyễn Văn T sinh năm 1979 ở thôn P, xã Đ, huyện N số tiền 4.397.260 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- CA huyện N;
- Những người TGT;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH